

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-PT

Ngày 22-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa và ông Lò Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo Lường Văn N do có kháng cáo của chị Lò Thị T là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo bị kháng cáo: Lường Văn N, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1998, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn P, sinh năm 1978 và bà Lường Thị Ph, sinh năm 1978; có vợ: Quàng Thị Th, sinh năm 2000 và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm hành chính xử lý kỷ luật; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2022 đến nay, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo: Chị Lò Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - Là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại, có mặt.

- Bị hại: Ông Lò Văn M, sinh năm 1962 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Lò Thị H (tên khác: Tòng Thị H), sinh năm 1961 (là vợ của ông M), trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Anh Lò Văn T1, sinh năm 1993 (là con của ông M), trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị T2, sinh năm 1987 (là con của ông M), trú tại: Bản C, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị T3, sinh năm 1984 (là con của ông M), trú tại: Bản C1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị T4, sinh năm 1989 (là con của ông M), trú tại: Làng Q, xã L, huyện T, TP. H - đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị T, sinh năm 1982 (là con của ông M), trú tại: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Lò Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại: Ông Lương Văn B - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

+ Anh Lương Văn T5, sinh năm 1993; trú tại: Bản T, xã M, huyện A, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Anh Vì Văn Q, sinh năm 1985; trú tại: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Lương Thị T6, sinh năm 1984; trú tại: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Mai L sinh năm 1992; trú tại: Đội 6, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà XX, tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Lò Thị N, sinh năm 1995; trú tại: Số nhà XX, tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1980; trú tại: Số nhà XX, tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thùy D2, sinh năm 1991; trú tại: Số nhà XX, tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Trịnh Hương T8, sinh năm 1990; trú tại: Số nhà XX, tổ 2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; trú tại: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Lê Tất B, sinh năm 1984; trú tại: Tiểu khu 1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

+ Ông Vừ A T9, sinh năm 1992; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn M, huyện M, Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 21/6/2021 Lường Văn N, sinh năm 1998, trú tại bản T, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α , BKS 27B2 - 151.83 chở Lường Văn T5, sinh năm 1993, trú cùng bản với bị cáo, ngồi phía sau di chuyển theo hướng từ M đi thành phố Đ. Khi đi đến đoạn đường Km 39 + 840 Quốc lộ 279 thuộc địa phận bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên do không đi đúng phần đường quy định, không làm chủ tốc độ, khi đi vào đoạn đường cong cua bị hạn chế tầm nhìn đã gây tai nạn với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, BKS 27B1 - 210.11 do ông Lò Văn M, sinh năm 1962, trú tại Đội 13, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên điều khiển đi theo chiều ngược lại. Hậu quả ông Lò Văn M bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đến ngày 03/8/2021 thì tử vong. Lường Văn N bị thương tích với tỷ lệ 12%, Lường Văn T5 bị thương tích với tổng tỷ lệ 03%, 02 xe mô tô hư hỏng với tổng thiệt hại về tài sản là 2.734.000 đồng.

Căn cứ vào các biên bản, sơ đồ, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả giám định dấu vết số 996/QĐ-PC09 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên; kết luận giám định số 126/GĐ-PC09 ngày 07/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Đã xác định được nguyên nhân chính gây nên vụ tai nạn giao thông trên là do lỗi của Lường Văn N điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ không đi đúng phần đường quy định, đi vào đoạn đường cong cua bị hạn chế tầm nhìn không làm chủ tốc độ gây tai nạn và điều khiển xe máy tham gia giao thông trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định. Vi phạm khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ; Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Căn cứ vào kết quả giám định pháp y về tử thi số 98/TT ngày 24/8/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên, kết luận: Nguyên nhân chết của ông Lò Văn M là: Viêm phổi, suy đa tạng, tắc mạch chi sau chân thương đụng giập, hoại tử chân trái do tai nạn giao thông. Các dấu vết thương tích để lại trên tử thi Lò Văn M phù hợp với đặc điểm và cơ chế hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 148/TgT, 149TgT ngày 01/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây lên cho Lường Văn N tại thời điểm giám định là 12%; Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây lên cho Lường Văn T5 tại thời điểm giám định là 3%.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn ngay sau khi xảy ra tai nạn của Lường Văn N là 0,725mg/l khí thở.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lường Văn N đã khai nhận rõ hành vi phạm tội: Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ.

Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường về tiền chi phí chữa bệnh, tiền mai táng phí, tiền thiệt hại xe máy, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại số tiền là **355.045.107** đồng cụ thể:

1. *Chi phí cứu chữa gồm:* Chi phí viện phí: 54.204.107 đồng; chi phí bím lót, thuốc men khác: 43.925.000 đồng, gồm: Các khoản thuốc mua ngoài theo chỉ định bác sỹ số tiền: 1.500.000 đồng; mở khí quản 2.500.000 đồng; đệm hơi phục vụ cho bị hại: 1.200.000đ; bím: 5.510.000đ; lót 3.480.000đ; sữa Esnure 1 hộp x 400.000đ/hộp = 400.000đ; sữa Esnure 4 hộp x 800.000đ/hộp = 3.200.000đ; chậu rửa: 2 chiếc x 15.000đ/chiếc = 30.000đ; dép tổ ong 04 đôi x 15.000đ/đôi = 60.000đ; khăn xô 10 cái x 3.500đ/cái = 35.000đ; khăn mặt 02 cái x 15.000đ/ cái = 30.000đ; nước lọc 43 bình x 25.000đ/bình = 1.075.000đ nước nóng (phích): 86 phích x 5.000đ/phích = 430.000đ; ché khô (để rửa) 11 gói x 35.000đ/gói = 385.000đ; khăn ướt 40 bịch x 25.000đ/bịch = 1.000.000đ; giấy ăn: 40 bịch x 35.000đ/bịch = 1.400.000đ; giấy vệ sinh: 11 bịch x 60.000đ/ bịch = 660.000đ; túi bóng 2 kg x 50.000đ = 100.000đ; mỳ tôm: 01 kiện = 75.000đ; phở gói: 10 gói x 5.000đ = 50.000đ; bột giặt: 11 gói x 18.000đ/gói = 198.000đ; sữa chua dây: 10 dây x 24.000đ/dây = 240.000đ; gói đầu 02 cái = 140.000đ; gói ôm: 02 cái = 120.000đ; sữa tắm khô, bông tai, cốc nước, kem đánh răng, quần ngắn, áo phông, áo dài, ô, tất nón trị giá: 975.000đ; Tiền mua thuốc: 1.500.000đ; tiền đặt nội khí quản: 2.500.000đ; tiền mua đệm hơi: 1.200.000đ; chi phí truyền máu là 17.500.000đ và một số vận dụng khác như bông, băng, găng tay, ăn uống...do thời gian tôi không nhớ rõ cụ thể số tiền và cũng không cung cấp được hóa đơn).

- Chi phí cho 02 người chăm sóc (Lò Thị T3, Lò Thị T4) x 43 ngày x 250.000 đồng/ ngày = 21.500.000 đồng.

2. *Tiền mai táng phí:* 67.266.000 đồng, gồm: 01 con trâu trị giá 25.000.000đ; 01 con lợn làm cỗ: 107kg x 70.000đ/kg = 7.490.000đ; 02 con lợn cúng 2.500.000đ/1con x 2 con= 5.000.000đ; Chi người khiêng quan tài: 600.000đ; giấy ăn: 100.000đ; rau hành bí: 550.000đ; Chi bồi dưỡng cho trưởng bản: 300.000đ; mua tre làm cọc: 300.000đ; giấy bọc thức ăn: 100.000đ; rau thơm: 140.000đ; chi bồi dưỡng thầy mo: 200.000đ; mua nước rửa bát: 50.000đ; các chi phí khác: 13.716.000đ; chi mua quan tài: 6.000.000đ; Lồng lạnh: 1.500.000đ; xe vận chuyển thi hài: 500.000đ; ché ướp: 10kg x 400.000đ/kg = 4.000.000đ; tiền vàng, hương, nến, bát hương: 1.600.000đ;

3. *Chi phí sửa chữa xe máy*: 1.600.000 đồng theo kết luận định giá thiệt hại về tài sản nên chỉ chấp nhận với giá trị thiệt hại theo kết luận định giá.

4. *Tiền bồi thường tổn thất tinh thần*: 149.000.000 đồng;

Tổng số tiền đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu là: **355.045.107** đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và kê khai các khoản đã bồi thường cho gia đình bị hại như sau:

- Lần 1: Lên thăm ông M ở bệnh viện: Hoa quả và 200.000 đồng biếu ông M, tổng là 300.000 đồng

- Lần 2: Lên thăm ông M ở bệnh viện biếu ông M 300.000 đồng;

- Lần 3: Khi ông M chết gia đình bị cáo mang gạo 36kg; 01 con lợn 27 kg; rượu 40 lít; vải trắng và vải thổ cẩm 12 chấu; tiền mặt là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo bồi thường là: **7.880.000** đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Lương Văn N phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS): Xử phạt bị cáo Lương Văn N 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

2. *Trách nhiệm dân sự*:

Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 590 và 591 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS): Buộc bị cáo Lương Văn N bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là: 254.472.107 đồng. Trừ số tiền đã bồi thường là 7.880.000 đồng. Bị cáo N còn phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại với tổng số tiền là: 246.592.107 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 28/4/2022 chị Lò Thị T là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại kháng cáo với nội dung như sau:

- Tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo N từ 04 năm lên 08 năm tù.

- Tăng mức bồi thường thêm 100.573.000 đồng so với bản án sơ thẩm, gồm các khoản sau:

+ Bổ sung thêm 01 người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị: 01 người x 43 ngày x 250.000đ/ ngày = 10.750.000 đồng.

+ Chi phí mua găng tay y tế, sữa, ăn uống cho người chăm sóc và người đi tiếp máu, chi phí khác còn phải bổ sung: 19.707.000 đồng

+ Chi phí 13 đơn vị máu cho 13 người x 1.500.000 đồng/người. Cụ thể yêu cầu bồi thường thêm là 16.250.000 đồng.

+ Yêu cầu bồi thường Chi phí mai táng (không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận) gồm: Con trâu, lợn, chi phí xây mộ, làm nhà mộ, chi phí ăn uống để phục vụ tang lễ: 53.886.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Chị Lò Thị T bổ sung nội dung kháng cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (sau đây viết tắt TNHS) quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo và tăng hình phạt đối bị cáo N từ 04 năm lên 08 năm tù. Lý do: Sau khi phạm tội, bị cáo N không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, không kịp thời hỗ trợ về kinh tế và nhân lực cho gia đình bị hại để chăm sóc bệnh nhân (ông M), không tiếp máu cho bị hại. Đề nghị xem xét khoản thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trước khi chết là 10.750.000 đồng (250.000 đồng x 43 ngày); chi phí mua găng tay y tế 1.000.000 đồng; chi phí mua khẩu trang y tế cho người chăm sóc là 150.000 đồng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí với ý kiến của chị Lò Thị T và không bổ sung thêm gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm và đề nghị HĐXX phúc thẩm:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại làm trong hạn luật định, được coi là hợp lệ.

- Đối với nội dung kháng cáo về tăng hình phạt: Chị Lò Thị T đề nghị tăng hình phạt từ 04 năm lên 08 năm tù và không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này và giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo.

- Đối với nội dung kháng cáo về phần bồi thường trách nhiệm dân sự (sau đây viết tắt TNDS): Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T yêu cầu bồi thường bổ sung và được bị cáo chấp thuận gồm: Giá trị 13 đơn vị máu tính bằng tiền là 17.550.000 đồng; chi phí mua găng tay y tế 1.000.000 đồng; chi mua khẩu trang y tế cho người chăm sóc là 150.000 đồng. Các khoản bồi thường này hai bên đã tự thỏa thuận được nên đề nghị HĐXX phúc thẩm công nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa chị T cũng đề nghị xem xét thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trước khi chết là 10.750.000 đồng; 01 con lợn trị giá 2.500.000 đồng cho việc mai táng phí theo phong tục tập quán của địa phương - đây là những chi phí hợp lý nên đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

- Đối với các khoản yêu cầu bồi thường khác như: Chi phí thêm cho 01 người chăm sóc người bị hại trước khi chết là 10.750.000 đồng; 01 con trâu = 25.000.000 đồng; 01 con lợn 107 kg = 7.490.000 đồng; chi phí cho việc xây mộ, làm nhà mộ,

chi ăn uống trong ngày tang lễ - đều là các chi phí không hợp lý nên đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về bồi thường trách nhiệm dân sự như đã nêu ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức:

[1.1]. Ngày 28/4/2022 chị Lò Thị T là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của chị Lò Thị T làm trong thời hạn đúng theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự (say đây viết tắt là BLTTHS), nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lò Thị T bổ sung một phần kháng cáo về bồi thường trách nhiệm dân sự. Xét thấy việc bổ sung kháng cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 354 của BLTTHS nên HĐXX chấp nhận.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lò Thị T:

[2.1]. Về kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N từ 04 năm lên 08 năm tù:

Bị cáo Lương Văn N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS với tình tiết định khung “trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định,...” là đúng luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo thừa nhận lỗi gây ra tai nạn cho ông M là do khi tham gia giao thông bị cáo sử dụng rượu bia, vượt quá tốc độ cho phép nên đã gây ra va chạm và làm ông M bị thương nặng phải nằm viện điều trị, sau đó tử vong. Như vậy, HĐXX sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật, đồng thời, áp dụng mức hình phạt từ 04 năm là tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Lý do chị T yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo N là không có căn cứ nên không được chấp nhận, HĐXX phúc thẩm giữ nguyên về phần hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo Lương Văn N như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[2.2]. Về yêu cầu bị cáo N bồi thường thêm trách nhiệm dân sự với tổng số tiền là 100.573.000 đồng cho những người đại diện hợp pháp của bị hại do Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận.

[2.2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lò Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị 13 đơn vị máu tính bằng tiền là 16.250.000 đồng; chị T yêu cầu bồi thường bổ sung chi phí mua găng tay y tế 1.000.000 đồng và khẩu trang y tế 150.000 đồng, vì tại thời điểm người bị hại nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đúng vào dịp dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên cả nước nói chung, tỉnh Điện Biên nói riêng. Bị cáo tự nguyện chấp nhận các yêu cầu này của chị T. Đây là những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận phần nội dung kháng cáo này của chị T và ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo, người đại diện cho người bị hại.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất của bị hại (ông M) là 43 ngày x 250.000 đồng/ngày = 10.750.000 đồng.

Trước thời điểm xảy ra tai nạn, ông Lò Văn M làm nghề khoan giếng và bốc thuốc nam, công việc ổn định và có thu nhập thường xuyên. Do đó, đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí này là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn...bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/2006) nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

[2.2.3]. Đối với chi phí mua 02 con lợn trị giá 5.000.000 đồng để phục vụ cho việc mai táng phí. Tòa án cấp sơ thẩm mới chỉ chấp nhận 01 con lợn trị giá 2.500.000 đồng, còn 01 con trị giá 2.500.000 đồng không được chấp nhận.

Xét theo phong tục tập quán của địa phương thì ít nhất phải có 02 con lợn để chi phí cho việc mai táng, đây là chi phí hợp lý thực tế nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường thêm 01 con lợn trị giá 2.500.000 đồng.

[2.2.4]. Đối với việc đề nghị tính thêm 01 người chăm sóc cho ông M trong thời gian nằm viện, với số tiền là 10.750.000 đồng.

Căn cứ vào điểm b tiểu mục 1.4, mục 1, phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP quy định: “... Về nguyên tắc, chỉ tính bồi thường thiệt hại cho một người chăm sóc người bị thiệt hại do mất khả năng lao động”. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận 01 người chăm sóc người bị hại với số tiền là 250.000 đồng x 43 ngày = 10.750.000 đồng là có căn cứ. HĐXX phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.2.5]. Đối với nội dung kháng cáo về việc đề nghị bổ sung thêm tiền mai táng phí mà Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận như: Chi phí mua 01 con trâu; 01 con lợn 107kg; chi ăn uống, mua sữa cho người chăm sóc, những người hiến máu; chi phí xây mộ, nhà mộ; chi phí ăn uống để phục vụ tang lễ...

Căn cứ vào tiểu mục 2, mục 2, phần II Nghị quyết số 03/2006 quy định: “.... Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ....”. Việc gia đình bị hại đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại là không phù hợp với quy định của pháp luật. Cho nên, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Lò Thị T, buộc bị cáo Lương Văn N có trách nhiệm bồi thường thêm cho những người đại diện hợp pháp của bị hại so với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên gồm:

- Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị trước khi chết là 10.750.000 đồng;
- Chi phí mai táng phí: 01 con lợn trị giá 2.500.000 đồng;
- Chi phí cho việc cứu chữa, chăm sóc người bị thiệt hại gồm: Găng tay y tế, khẩu trang y tế là: 1.150.000 đồng;
- Chi bồi dưỡng cho 13 người hiến máu (13 đơn vị máu): 16.250.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Lương Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thêm cho những người đại diện hợp pháp của bị hại là 30.650.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số: 39/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của TAND huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định: Bị cáo Lương Văn N phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là: 254.472.107 đồng. HĐXX phúc thẩm chấp nhận bồi thường bổ sung thêm cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại với tổng số tiền là 30.650.000 đồng. Bị cáo Lương Văn N có trách nhiệm bồi thường với tổng số tiền là 285.122.107 đồng ($254.472.107đ + 30.650.000đ = 285.122.107đ$). Trừ đi số tiền 7.880.000 đồng do bị cáo đã bồi thường. Bị cáo Lương Văn N còn phải bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là 277.242.107 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng).

[3]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện M; Kiểm sát viên VKSND huyện M, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, TAND huyện M trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người này đều đảm bảo tính hợp pháp.

[4]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị;

[5]. Về án phí sơ thẩm: Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Lương Văn N là đúng theo quy định của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Gia đình bị hại yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường với tổng số tiền là 355.045.107 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần, còn một phần không chấp nhận tương đương số tiền 100.573.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bên bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, đồng thời không thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định người phải chịu án phí có thuộc trường hợp miễn, giảm án phí hay không là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị hại cung cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 118/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2022 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ cấp cho bà Lò Thị H (vợ ông M) là chủ hộ nên HĐXX phúc thẩm xác định bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Bà Lò Thị H (là vợ của bị hại, bà H ủy quyền cho bà Lò Thị T) là hộ cận nghèo nên những người đại diện hợp pháp của bị hại thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Lò Thị T là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời, là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên về bồi thường trách nhiệm dân sự, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn N phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 260; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2022.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và 591 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lường Văn N phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là: **285.122.107 đồng**, gồm các khoản sau:

- Chi phí cứu chữa bệnh là: 91.622.107 đồng;
- Chi phí mai táng: 15.900.000 đồng;
- Bù đắp tổn thất về tinh thần: 149.000.000 đồng;
- Bồi thường thiệt hại về tài sản (chi phí sửa xe máy của ông M): 1.600.000 đồng;
- Thu nhập thực tế bị mất của ông M trong thời gian điều trị: 10.750.000 đồng;
- Chi phí bồi dưỡng cho 13 người hiến máu: 16.250.000 đồng.

Khấu trừ số tiền **7.880.000** đồng bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo Lương Văn N còn phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho những người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền là: **277.242.107 đồng** (hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm linh bảy đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị cáo Lương Văn N chậm trả tiền bồi thường thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Không chấp nhận phần kháng cáo của bà Lò Thị T về việc yêu cầu bị cáo bồi thường những khoản sau: Công chăm sóc tính thêm cho 01 người; Chi phí cho việc mai táng gồm: Tiền mua 01 con trâu; 01 con lợn 107kg; chi ăn uống, mua sữa cho người chăm sóc, những người hiến máu; chi phí xây mộ, nhà mộ; chi phí ăn uống để phục vụ tang lễ.

6. **Án phí phúc thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự có giá ngạch cho bà Lò Thị T và những người đại diện hợp pháp của bị hại.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2022).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện M;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Nhà tạm giữ Công an huyện M;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ Thi Hành án hình sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lương Tiến Phương